

## PHỤ NỮ KHMER VÀ VIỆC GIỮ GÌN TIẾNG MẸ ĐỂ (Khảo sát địa bàn thành phố Trà Vinh)

HỒ XUÂN MAI\*

*Phụ nữ nói chung có vai trò rất lớn trong việc gìn giữ tiếng mẹ đẻ. Tuy nhiên, kết quả khảo sát những người mẹ, người bà ở thành phố Trà Vinh cho thấy họ chưa ý thức rõ được điều đó. Tất cả các hình thức giao tiếp để một người bà, người mẹ lưu truyền ngôn ngữ cho con cháu đều được những phụ nữ ở đây sử dụng rất hạn chế, cả về số lần lẫn mức độ. Đó là một trong những lý do làm cho thế hệ trẻ người Khmer sử dụng tiếng mẹ đẻ ngày một kém đi.*

*Từ khóa: phụ nữ, Khmer, ngôn ngữ, tiếng mẹ đẻ, thành phố Trà Vinh*

*Nhận bài ngày: 4/8/2017; đưa vào biên tập: 10/9/2017; phản biện: 11/11/2017; duyệt đăng: 25/12/2017*

Trong quá trình đi nghiên cứu về ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Đồng bằng sông Cửu Long, chúng tôi nhận thấy trẻ em Khmer nói tiếng mẹ đẻ không được tốt. Tại sao lại có tình trạng như vậy? Chúng tôi đưa ra giả thuyết rằng nguyên nhân có thể là từ trong gia đình, mà trước hết là cách nuôi nấng dạy dỗ của những người bà, người mẹ của các trẻ. Từ suy đoán đó, chúng tôi đã đi đến thực hiện một đề tài với chủ đề: *Vai trò của phụ nữ Khmer trong giữ gìn và phát*

*triển tiếng mẹ đẻ ở thành phố Trà Vinh.* Bài viết này là một phần kết quả của đề tài.

Trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi đã thực hiện các cuộc khảo sát ở 3 phường và 1 xã trên địa bàn thành phố Trà Vinh, thuộc tỉnh Trà Vinh (từ tháng 3 đến tháng 5 năm 2016).

### 1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Hoạt động giao tiếp giữa mẹ-con và bà-cháu thường qua các hình thức chủ yếu sau: nói chuyện, kể chuyện, hỏi về sự nhận biết những bộ phận trên cơ thể và những người, vật xung

\* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

quanh và hỏi tuổi, tên đối với những đứa trẻ từ ba tuổi trở xuống (“trẻ lên ba, cả nhà tập nói”). Với những đứa trẻ trên ba tuổi thì những hoạt động nói chuyện, kể chuyện vẫn được tiếp tục và thêm vào đó là tập hát, tập đọc. Hoạt động tập hát đã có từ dưới ba tuổi nhưng chủ yếu trẻ chỉ nghe còn trên ba tuổi trẻ được tập cho hát và hát theo. Theo các tác giả Nguyễn Thị Hoài An (2013), Hoàng Anh-Đỗ Thị Châu (2012), Nguyễn Thị Anh-Nguyễn Thị Nguyệt (2013), E.I. Chikieva (1976), Donalson Magaret (1996), Nguyễn Thị Quỳnh Mai-Nguyễn Thị Hạnh (2012), J. McLean và L.K. McLean (1999), Đinh Hồng Thái (2013), Đinh Hồng Thái-Hồ Quang Minh-Đinh Thị Ngọc Lan (2013), Nguyễn Thị Bích Thủy-Nguyễn Thị Lết (2013)... thì đây chính là những hoạt động tập cho trẻ biết nói, tích lũy vốn từ và giúp trẻ phát triển ngôn ngữ. Chẳng hạn, Đinh Hồng Thái cho rằng “Trong những năm đầu của cuộc đời, sự phát triển lời nói của đứa trẻ diễn ra những bước tiến mạnh mẽ. (...). Có thể phát triển những phản ứng của giọng nói, khả năng bắt chước và hiểu, nắm được những từ đầu tiên. Ở năm thứ hai: hiểu, bắt chước lời nói tích cực, (phát triển vốn từ). Ở năm thứ ba: hiểu, lời nói tích cực, vốn từ, các hình thức ngữ pháp, kiểu tạo câu (những kiểu câu khác nhau)”. Những năm đầu đời cũng là thời kỳ trẻ “phát triển kỹ năng nghe-nhìn: đây là hai cửa ngõ đầu tiên của hoạt động nhận thức có liên quan trực tiếp đến việc hình

thành ngôn ngữ. Luyện nghe âm thanh, chủ yếu là nghe tiếng nói của con người. Luyện nhìn sự vật, hiện tượng để trẻ có thể tiếp nhận các hình ảnh bằng thị giác hình thành mối liên hệ giữa cái nghe thấy và cái nhìn thấy; đó là cơ sở để hiểu ý nghĩa của từ ngữ” (Đinh Hồng Thái, 2013: 55, 59). Còn theo Vũ Thị Lan Anh (2011: 77) thì: “học sinh tiểu học có khuynh hướng ghi nhớ máy móc, bằng cách nhắc lại một cách máy móc, mà chưa hiểu được những mối liên hệ (...). Tình cảm cũng có ảnh hưởng lớn đến độ bền vững và độ nhanh trí của trí nhớ. Vì thế, trẻ dễ nhớ và nhớ lâu những gì gây được xúc động mạnh, gây ngạc nhiên và thích thú cho các em”. Cho nên, trẻ có thể “tái hiện lại” những gì đã nghe thấy bằng ngôn ngữ của chính người đã tác động đến các em (Vũ Thị Lan Anh, 2011: 78). Do vậy, tất cả những hoạt động của người thân trong gia đình, đặc biệt là người mẹ, sẽ giúp trẻ ghi nhớ, tích lũy vốn từ và cách sử dụng. Trẻ em ở những gia đình người mẹ ít nói thường chậm nói và ít vốn từ hơn là vì lý do này. E.I. Chikieva (1976: 115) trong một nghiên cứu về *Phát triển lời nói trẻ em dưới tuổi đến trường phổ thông* cho rằng “Ngôn ngữ của trẻ trước tuổi đến trường phụ thuộc rất nhiều yếu tố, như điều kiện sống, hoàn cảnh sống, tộc người, lý lịch gia đình (trình độ học vấn - HXM), sự quan tâm của gia đình, đặc biệt là sự quan tâm giáo dục và mức độ thân thiết của các thành viên trong gia đình”. Tác giả cũng cho rằng: “Ngôn

ngữ của người mẹ, người bà được lưu giữ ở đứa trẻ mà họ có trách nhiệm chăm sóc. Cho nên, một đứa trẻ của tộc người này được giao cho một bà mẹ thuộc tộc người khác chăm sóc, nuôi dưỡng thì nó sẽ nói tiếng của người mẹ đó” (E.I. Chikieva, 1976: 122).

Nói cách khác, theo các nhà khoa học, phụ nữ - cụ thể là người mẹ và người bà, là đối tượng đầu tiên thực hiện chức năng giáo dục ngôn ngữ và giữ gìn tiếng nói qua hình thức tập nói cho con. Cho nên, sự phát triển ngôn ngữ mẹ đẻ của một đứa trẻ tùy thuộc vào mức độ và đặc điểm giao tiếp giữa mẹ-con và bà-cháu.

## 2. PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA VÀ THỰC HIỆN

Theo Tổng cục Thống kê (2009: 109), toàn tỉnh Trà Vinh có 371.203 người Khmer, chiếm 31,6% dân số toàn tỉnh. Riêng thành phố Trà Vinh, người Khmer có khoảng 32.000 người, chiếm 20%. Trong quá trình thực hiện đề tài, chúng tôi chọn các phường 1, 3, 8 và xã Long Đức để khảo sát trong số 9 phường và 1 xã của thành phố Trà Vinh, vì đây là những địa bàn có đông người Khmer.

Tại mỗi phường/xã chúng tôi tiếp tục chọn 1 địa bàn tập trung người Khmer, cụ thể: ở phường 1 và 3 chọn nhóm 1; ở phường 8 chọn nhóm 5. Ở xã Long Đức chúng tôi chọn ấp Sa Bình. Tổng cộng có 4 địa bàn điều tra. Ở mỗi địa bàn, chúng tôi chọn những phụ nữ thuộc 3 nhóm tuổi, gồm: nhóm 1, từ 18 đến 25; nhóm 2 từ 30

đến 35; nhóm 3 là những người trên 50<sup>(1)</sup>. Mỗi nhóm chọn 5 người. Tổng cộng 4 địa bàn có 60 người tham gia trả lời. Chúng tôi không chọn những người có trình độ từ lớp 5 trở lên, vì mặc nhiên những người này sẽ sử dụng tiếng Việt giỏi hơn tiếng mẹ đẻ và như vậy khả năng bị chi phối bởi tiếng Việt trong quá trình dạy con sẽ rất lớn.

Nhóm 1 có hai ràng buộc là sinh con và phải đi làm. Câu hỏi cho các đối tượng này là dành bao nhiêu thời gian cho con và nội dung nói chuyện với con. Con của các bà mẹ thuộc nhóm 1 đều còn nhỏ, nếu có đủ hai con thì đứa lớn nhất là 7 tuổi (sinh năm 2009), học lớp 2 và đứa nhỏ nhất tính đến thời điểm khảo sát mới 5 tháng tuổi (sinh năm 2016), được gửi nhà trẻ hoặc bà/người thân. Với nhóm 3, chúng tôi chỉ khảo sát những người không có con nhỏ, ở nhà chăm cháu. Mục đích của chúng tôi là xem đối tượng hát ru và nói chuyện với cháu bằng tiếng Khmer hay tiếng Việt và nói với cháu những nội dung gì, bằng ngôn ngữ nào. Riêng nhóm 2 chúng tôi chọn những người có đủ hai con nhưng chỉ chọn những người có con lớn nhất là 12 tuổi (tính đến thời điểm khảo sát), đang học tiểu học hoặc/và trung học cơ sở. Chúng tôi không khảo sát những trường hợp có con lớn hơn, vì sau tuổi này, thời gian tiếp xúc giữa con và mẹ ít hơn. Mục đích khảo sát ở nhóm 2 cũng giống như nhóm 1. Nội dung chúng tôi đưa ra là những gì một bà mẹ thường giao tiếp với con.

Chúng tôi sử dụng phương pháp đối chiếu-so sánh (giữa mức độ sử dụng tiếng mẹ đẻ-tiếng Việt của đối tượng, giữa các nhóm tuổi và năng lực ngôn ngữ của họ) để chỉ ra thực trạng sử dụng ngôn ngữ của những người bà, người mẹ Khmer ở thành phố Trà Vinh và đối chiếu với lý thuyết về ngôn ngữ để đánh giá.

#### 4. PHÂN TÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT

##### 4.1. Thời gian, nội dung và mức độ giao tiếp với con bằng tiếng mẹ đẻ của những bà mẹ Khmer ở nhóm từ 18 đến 25 tuổi

Như đã nói ở trên, nhóm này có hai ràng buộc nên thời gian tiếp xúc với con rất ít. Vì công việc chính của những người này là lao động chân tay, buôn bán, làm công nhân... nên thời gian được nghỉ ở nhà thật sự chỉ có 1 ngày (chủ nhật). Nhưng ngay cả trong thời gian nghỉ ở nhà họ vẫn phải làm các công việc nhà nên thời gian dành cho con chỉ khoảng 6-8giờ/tuần. Tính trung bình mỗi bà mẹ trong độ tuổi này dành cho con 1giờ/ngày. Nếu chỉ tính riêng những ngày làm việc thì

thời gian đó là 1,4 giờ.

Nếu không tính mục “kể chuyện” thì một bà mẹ trong nhóm này sử dụng tiếng Việt nhiều hơn tiếng mẹ đẻ. Trong thời gian ở nhà, những bà mẹ Khmer này nói với con những nội dung gì, bằng ngôn ngữ nào và qua hình thức nào? Dưới đây là kết quả khảo sát (xem Bảng 1).

Các nội dung giao tiếp như trong Bảng 1 là những hình thức phổ biến nhất để một người mẹ thể hiện tình cảm với con, đồng thời giúp con tăng vốn từ, tăng *khả năng tập nói* cho đứa trẻ. Tuy nhiên, kết quả trên cho thấy phụ nữ Khmer sử dụng tiếng mẹ đẻ rất ít khi giao tiếp với con.

Khi được hỏi “*Vì sao ở nhà vẫn nói bằng tiếng Việt?*”, thì tất cả (100%) trả lời “*Không biết nói (diễn đạt) tiếng Khmer như thế nào*”. Ba câu hỏi phụ dành cho nhóm này là “*Ở nơi làm, chị thường sử dụng ngôn ngữ nào để giao tiếp?*”, “*Trong một tuần, chị dạy con học mấy lần?*” và “*Ngoài việc dạy con học, mỗi ngày (tối), chị thường nói chuyện với con lâu không?*”. Kết

Bảng 1. Nội dung và mức độ giao tiếp với con của những bà mẹ Khmer nhóm từ 18 đến 25 tuổi ở thành phố Trà Vinh

Nội dung	Ngôn ngữ	
	Tiếng Việt	Tiếng Khmer
Dạy con học	19/20 người (95%)	1 người (5%)
Kể chuyện	(0%)	0 người (0%)
Nói chuyện (tập nói)	17 người (85%)	3 người (15%)
Hát ru con/tập con hát	18 người (90%)	2 người (10%)
Hỏi về những bộ phận trên cơ thể và những người, vật xung quanh và hỏi tuổi, tên	15 người (75%)	5 người (25%)

Nguồn: Hồ Xuân Mai, 2016.

quả, câu thứ nhất là 50% sử dụng tiếng mẹ đẻ, 50% sử dụng tiếng Việt, “*tùy vào những việc cụ thể*”. Còn câu thứ hai thì “*Thỉnh thoảng chứ không phải ngày nào cũng dạy*” (11 người, 55%) vì “*không biết nhiều*” và “*Khi dạy thì phải sử dụng tiếng Việt*” (100%). Câu trả lời này phù hợp với kết quả trong bảng trên. Kết quả của câu thứ ba là “*Đâu còn thời gian nên chỉ chơi đùa một lúc rồi ngủ*” (17 người, 85%).

Điều đáng ngạc nhiên là *không một bà mẹ nào* biết kể chuyện cho con nghe và khi hát ru cho con ngủ/nghe thì phải hát bằng tiếng Việt *vì không thuộc bài hát nào bằng tiếng Khmer*. Mọi người đều biết, kể chuyện và hát ru là hai hình thức tốt nhất để lời ăn tiếng nói hàng ngày đi vào trí nhớ trẻ thơ, bởi nó tạo ra được thứ cảm xúc mạnh mẽ nhất, giúp trẻ nhớ lâu và tái hiện được những gì đã nghe thấy (Vũ Thị Lan Anh, 2011: 77, 78). Vì vậy sự nghèo nàn trong giao tiếp và việc sử dụng chủ yếu là tiếng Việt sẽ khiến cho trẻ không thể *tái hiện lại ngôn ngữ của người mẹ?* Chưa kể khi nói chuyện với con, hầu hết các bà mẹ chỉ hỏi và chờ đợi

câu trả lời chứ không phải giải thích hay dạy bảo.

Ngoài ra, thông thường, khi chơi với con mới biết nói, người mẹ hay hỏi về những bộ phận trên cơ thể, như “*tay đâu*”, “*chân đâu*”,

“*miệng đâu*”, “*mắt đâu*”, “*đầu đâu*” hoặc hỏi về những người xung quanh như “*mẹ đâu*”, “*bà đâu*”, “*bố đâu*”... nhằm giúp cho trẻ nhận biết và *nhạy biết nói, nói nhiều*. Những hoạt động như vậy của người mẹ luyện cho trẻ nghe âm thanh, nhận biết sự vật, hiện tượng và mối liên hệ giữa cái nghe thấy và cái nhìn thấy, từ đó hiểu ý nghĩa của từ ngữ (Đình Hồng Thái, 2013: 55, 59). Nếu người mẹ thường xuyên làm điều này thì sẽ tăng *khả năng nói và vốn từ* cho đứa trẻ. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy chỉ 5/20 người (25%) thực hiện nhiệm vụ này bằng tiếng mẹ đẻ. Những bà mẹ trẻ khác “*rất ít khi hỏi như vậy*”. Có lẽ đó cũng là một nguyên nhân khiến tiếng mẹ đẻ của trẻ ngày một nghèo nàn hơn. Và, đó là “*cái nghèo*” chuyển từ mẹ sang con.

#### 4.2. Thời gian, nội dung và mức độ giao tiếp với con bằng tiếng mẹ đẻ của những bà mẹ Khmer ở nhóm từ 30 đến 35 tuổi

Khác với nhóm 1, đây là những người có con đã lớn hơn, lớn nhất là 12 tuổi, đang học lớp 6 như đã nói. Công việc

Bảng 2. Nội dung và mức độ giao tiếp với con của những bà mẹ Khmer nhóm từ 30 đến 35 tuổi ở thành phố Trà Vinh

Nội dung	Ngôn ngữ	
	Tiếng Việt	Tiếng Khmer
Dạy con học	3/20 người (15%)	0 (0%)
Kể chuyện	0 người (0%)	0%
Nói chuyện	12 người (60%)	8 người (40%)
Tập hát cho con	0 người (0%)	0 người (0%)
Tập cho con kể chuyện	0 người (0%)	0 người (0%)

Nguồn: Hồ Xuân Mai, 2016.

của những người này không khác nhiều so với nhóm 1. Vì vậy thời gian làm việc mỗi ngày và các ngày trong tuần cũng tương tự. Chỗ khác biệt duy nhất của họ so với nhóm 1 là nội dung và thời gian giao tiếp giữa mẹ-con.

Cũng như các bà mẹ nhóm tuổi từ 18 đến 25 (trình bày ở mục 4.1) nếu không tính những mục không thực hiện (2, 4 và 5) một bà mẹ trong độ tuổi này sử dụng tiếng mẹ đẻ nhiều hơn tiếng Việt (xem Bảng 2).

Kết quả này phù hợp với tâm lý và thực tế là càng lớn, trẻ em càng có khuynh hướng giao tiếp với bạn bè nhiều hơn; và vì có thể tự chăm sóc bản thân nên khoảng cách giữa mẹ-con xa hơn, giao tiếp ít hơn. Thời gian giao tiếp mẹ-con ở nhóm tuổi này chỉ xuất hiện ở hai nội dung 1 và 3, nhưng vì đối tượng khảo sát của chúng tôi là những người có trình độ học vấn dưới lớp 5, không đủ trình độ để dạy con học; do đó, chỉ có 3 người dạy con nhưng phải sử dụng tiếng Việt. Còn khi nói chuyện, chỉ 8 bà mẹ Khmer sử dụng tiếng mẹ đẻ. Như vậy, việc *chuyển giao ngôn*

*ngữ* mẹ đẻ giữa mẹ-con của những bà mẹ Khmer trong độ tuổi này rất hạn chế.

Và do các hình thức “chuyển giao ngôn ngữ” giữa mẹ-con thu hẹp lại, chỉ còn *nói chuyện* và *dạy con học*. Cho nên, *vốn từ vựng ở những đứa*

*trẻ lệ thuộc nhiều vào thầy, cô giáo và các bạn ở lớp, ở trường* - những người sử dụng tiếng Việt nhiều hơn. Đến lúc này vai trò giữ gìn tiếng mẹ đẻ của phụ nữ Khmer đã rất mờ nhạt.

### **4.3. Thời gian, nội dung và mức độ giao tiếp với cháu bằng tiếng mẹ đẻ của những người bà Khmer ở nhóm từ trên 50 tuổi**

Như đã nói ở trên với nhóm này chúng tôi chỉ chọn những phụ nữ có con đã lớn, không đi làm, ở nhà chăm sóc cháu. Cho nên, tuy không có con nhỏ nhưng những phụ nữ trong nhóm này phải thực hiện nhiều nhất những nội dung giao tiếp của hai nhóm trên. Kết quả khảo sát thực tế ở nhóm này hoàn toàn khác với hai nhóm trước.

Qua Bảng 3, chúng ta thấy khả năng tiếng Việt của những phụ nữ nhóm này rất thấp, song khả năng sử dụng tiếng mẹ đẻ giao tiếp với cháu cũng rất hạn chế; đồng thời, hình thức chuyển giao ngôn ngữ từ bà sang cháu cũng thu hẹp. Nói cách khác, những người bà Khmer chỉ làm một

Bảng 3. Nội dung và mức độ giao tiếp với cháu của những người bà Khmer độ tuổi trên 50 ở thành phố Trà Vinh

Nội dung	Ngôn ngữ	
	Tiếng Việt	Tiếng Khmer
Dạy cháu học	0 người (0%)	0 (0%)
Kể chuyện	0 người (0%)	1 (5%)
Nói chuyện	0 người (0%)	4 người (20%)
Hát ru cháu	0 người (0%)	1 người (5%)
Tập cho cháu hát	0 người (0%)	2 người (10%)
Tập cho cháu kể chuyện	0 người (0%)	0 người (0%)

Nguồn: Hồ Xuân Mai, 2016.

nhệm vụ là chăm sóc cháu (cho ăn uống, dỗ ngủ...), còn khả năng truyền thụ tiếng mẹ đẻ cho cháu thì chỉ ở mức độ thấp. Có thể thấy là *những đứa trẻ Khmer ở thành phố Trà Vinh hiện nay sống trong cơ chế “tự nói” là chính*. Khi được hỏi “*chị nói chuyện với cháu khi nào?*”, chúng tôi nhận được câu trả lời “*Khi bỗng nó đi dạo chơi thôi, còn ở nhà thì chỉ ngồi coi chừng nó chơi*”. “*Với những cháu trên 3 tuổi, chị có nói chuyện không?*”. “*Không, tụi nó tự chơi ên, mình chỉ cần coi chừng có đi đâu không thôi*”. “*Lúc cháu khóc, chị làm gì: dỗ, dọa, đánh, kể chuyện?*”. “*Chỉ dỗ hoặc la thôi, không kể chuyện*”. “*Sao chị không kể chuyện cho cháu quên khóc?*”. “*Có biết chuyện gì đâu mà kể!*”. Như vậy, mặc dù có điều kiện thuận lợi hơn, nhưng những người bà Khmer cũng không giao tiếp nhiều với cháu và vì thế không giúp các cháu nắm được tiếng mẹ đẻ tốt hơn.

## 5. KẾT LUẬN

### CHÚ THÍCH

Xin cảm ơn các bạn Thạch Thị Út Linh, Thạch Thị Sa Riêng, Thạch Thị Kim Xuân, Thạch Thị Kim Anh - Ban Giới và Dân tộc, Khoa Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ, Trường Đại học Trà Vinh đã cộng tác cùng chúng tôi trong nghiên cứu này.

<sup>(1)</sup> Chúng tôi không chọn những phụ nữ từ 36 đến 50 tuổi. Vì những đối tượng này nếu có con thì con đã trên 12 tuổi, đang học trung học phổ thông, ngoài phạm vi khảo sát của bài viết (có thể một vài người trong độ tuổi này vẫn còn con nhỏ trong phạm vi khảo sát nhưng những trường hợp này không nhiều, không đảm bảo thống kê). Cần nói thêm là trong số những người từ 35 đến 50 tuổi có người đã có cháu và con/dâu của họ là những người thuộc nhóm 1 (18-25 tuổi).

### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Chikieva, E.I. 1976. *Phát triển lời nói trẻ em dưới tuổi đến trường phổ thông*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.

1. Người mẹ, người bà có một vai trò lớn trong việc giữ gìn tiếng mẹ đẻ. Với phụ nữ Khmer Nam Bộ, cụ thể là ở thành phố Trà Vinh cũng vậy. Tuy nhiên, vì những lý do khác nhau, vai trò này ở họ đã không được phát huy. Như khảo sát cho thấy, tất cả những đối tượng thuộc 3 nhóm tuổi đều sử dụng tiếng mẹ đẻ rất hạn chế, đặc biệt là khi giao tiếp với con cháu. Như vậy, nguy cơ mai một đối với ngôn ngữ này là không nhỏ.

2. Cùng với các chính sách của Đảng và Nhà nước về việc bảo vệ và phát triển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số, chính quyền và xã hội cần có sự vận động người Khmer, mà trước hết là phụ nữ, phải cố gắng giữ gìn và phát triển tiếng nói dân tộc mình. Hình thức đầu tiên của hành động này là tăng cường giao tiếp với con cháu bằng tiếng Khmer. Đây là phương pháp thiết thực, cụ thể nhất để bảo vệ, giữ gìn tiếng mẹ đẻ của người Khmer. □

2. Đinh Hồng Thái. 2013. *Phát triển ngôn ngữ tuổi mầm non*. Hà Nội: Nxb. Đại học Sư phạm.
3. Đinh Hồng Thái, Hồ Quang Minh, Đinh Thị Ngọc Lan. 2013. *Hoạt động làm quen với chữ viết*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
4. Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu. 2012. *300 tình huống giao tiếp sư phạm*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
5. Hồ Xuân Mai. 2013. “Năng lực song ngữ của học sinh Khmer (khảo sát ở tỉnh Sóc Trăng và Trà Vinh)”. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, số 2(174).
6. Magaret, Donalson. 1996. *Hoạt động tư duy của trẻ em*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
7. McLean, J. và L.K. McLean. 1999. *How Children Learn Language* (Trẻ con tập nói), London: Singular Publishing Group Inc.
8. Nguyễn Thị Anh, Nguyễn Thị Nguyệt. 2013. *Hoạt động thể dục*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
9. Nguyễn Thị Bích Thủy, Nguyễn Thị Lết. 2013. *Khám phá môi trường xung quanh*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Hoài An. 2013. *Chương trình giáo dục trẻ 4-5 tuổi*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
11. Nguyễn Thị Quỳnh Mai, Nguyễn Thị Hạnh. 2012. *Chương trình giáo dục trẻ 3-4 tuổi*. Hà Nội: Nxb. Hà Nội.
12. Tổng cục Thống kê. 2009, 2011. Hà Nội: Nxb. Thống kê.
13. Trường Đại học Trà Vinh. 2016. *Kỷ yếu hội thảo khoa học Nghiên cứu và giảng dạy Ngữ văn ở Nam Bộ trong tình hình hiện nay*.
14. Vũ Thị Lan Anh. 2013. *Trí tuệ và những chỉ số biểu hiện trí tuệ của học sinh lớp 5*. Hà Nội: Nxb. Đại học Sư phạm, Nxb. Từ điển Bách khoa.